

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2023/DS - ST
Ngày: 31 - 8 - 2023
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt;
2. Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Phụng - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 372/2023/TLST-DS ngày 19/6/2023 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2023/QĐXXST-DS ngày 01/8/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 31/TB-TA ngày 21/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H1);

Địa chỉ: Số B B N, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1985; chức vụ: chuyên viên xử lý nợ là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/5/2023, có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Ngô Minh P, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).
2. Bà Nguyễn Thị Bảo T, sinh năm 1995 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn L, sinh năm 1972 (xin vắng mặt)
2. Ông Lê Hữu T1, sinh năm 1997 (xin vắng mặt);

3. Bà Lê Mộng N, sinh năm 2001 (có mặt ngày 16/8/2023; vắng mặt ngày 31/8/2023);

4. Ông Đặng Ngọc Â, sinh năm 1994 (có mặt ngày 16/8/2023; vắng mặt ngày 31/8/2023);

5. Đặng Ngọc Bảo A, sinh năm 2018;

6. Đặng Ngọc Anh T2, sinh năm 2020;

Người đại diện hợp pháp của cháu A, cháu T2: Bà Lê Mộng N, ông Đặng Ngọc Â là mẹ đẻ và cha đẻ;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

7. Văn phòng công chứng Võ Văn N1 (xin vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng: Ông Võ Văn N1 – Trưởng văn phòng là người đại diện theo pháp luật;

Địa chỉ: Ô, Khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, gười đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà Phạm Thị H trình bày:

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H và ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Thị Bảo T xác lập Hợp đồng tín dụng số 46763/21MN/HĐTD, giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 46763/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 03/12/2021 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 17/12/2021 như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 46763/21MN/HĐTD, giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 46763/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 03/12/2021: Số tiền vay: 1.200.000.000 đồng; Số tiền giải ngân: 1.200.000.000 đồng; Ngày giải ngân: 04/12/2021; Ngày đến hạn: 03/12/2021; Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 10%/ năm. Mục đích vay: Bù đắp mượn tiền bên thứ ba để thanh toán tiền nhận chuyển nhượng bất động sản tại thửa đất số 367, tờ bản đồ số 41 tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/12/2021: hạn mức: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, Ngân hàng và ông P, bà T đã xác lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31101/21MN/HĐBĐ ngày 30/11/2021, công chứng tại Văn phòng C và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, Long An cùng ngày. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 412, 414; tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 154714, số vào sổ cấp GCN: CS 01865 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 15/11/2017; cập nhật thay đổi ngày 29/12/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, ông P, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1. Ông P, bà T phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 31/8/2023 bao gồm:

Số tiền của hợp đồng tín dụng là 1.325.360.045 đồng (trong đó: Tiền gốc là 1.200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 121.282.192 đồng; tiền lãi quá hạn là 4.077.853 đồng)

Số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 183.510.249 đồng (trong đó: Tiền gốc là 125.410.489 đồng; tiền lãi là 31.702.332 đồng; tiền phí là 26.397.428 đồng).

Tổng số tiền phải thanh toán là 1.508.870.294 đồng.

3. Trường hợp ông P, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng H2, đề nghị Tòa án cho Ngân hàng H2 yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại thửa đất số 412, 414; tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 154714, số vào sổ cấp GCN: CS 01865 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 15/11/2017; cập nhật thay đổi ngày 29/12/2020 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31101/21MN/HĐBĐ ngày 30/11/2021, công chứng tại Văn phòng C cùng ngày. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cản trừ nghĩa vụ trả nợ của ông P, bà T đối với Ngân hàng H2. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết các khoản nợ, ông P, bà T phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Minh P và bà Nguyễn Thị Bảo T thống nhất trình bày:

Ông bà thống nhất với lời trình bày của đại diện Ngân hàng và thống nhất với số nợ Ngân hàng khởi kiện. Ông bà đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án. Tuy nhiên, trên đất có một số người đang cư trú nên ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Do công việc nhiều nên ông bà đề nghị Tòa án cho ông bà vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án tại các cấp xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L trình bày:

Ông là chồng của bà Lê Thị Cẩm T3 (chết năm 2022). Thửa đất 412, 414; cùng tờ bản đồ số 41, tại xã T, huyện Đ là tài sản riêng của bà T3, được hưởng thừa kế của mẹ đẻ. Khoảng đầu năm 2021, do hoàn cảnh khó khăn, cần tiền chữa bệnh cho ông nên bà T3 dự định vay Ngân hàng, thế chấp bằng 02 thửa đất 412, 414. Ông P là hàng xóm nên đề nghị bà T3 cầm cố giấy CNQSD đất tại thửa 412, 414 cho ông P, ông P giao cho bà T3 số tiền 120.000.000 đồng, giao tại Ủy ban nhân dân xã T. Tại đây, ông P yêu cầu bà T3 ký một số giấy tờ, ông có chứng kiến nhưng không biết là ký giấy tờ gì. Đến tháng 11/2021, ông P giao tiếp cho bà T3 số tiền 130.000.000 đồng. Tổng số tiền ông P giao cho bà T3 là 250.000.000 đồng,

có Giấy hợp đồng cho mượn sổ đỏ (ủy quyền vay vốn Ngân hàng) tháng 11/2021.

Khoảng tháng 4/2022, bà T3 biết được thông tin là ông P đã thế chấp 02 thửa 412, 414 để vay số tiền 1.300.000.000 đồng tại Ngân hàng H1. Tháng 7/2022, bà T3 chết.

Khoảng tháng 3/2023, Ngân hàng H1 xuống gia đình ông để yêu cầu gia đình ông đóng tiền lãi cho Ngân hàng nhưng gia đình ông không có khả năng.

Hiện tại gia đình khó khăn, ông không có khả năng trả tiền lãi cho Ngân hàng thay ông P và cũng không có khả năng yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Trường hợp Ngân hàng tìm được người mua tài sản thế chấp là 02 thửa 412, 414 với giá thỏa thuận, ông cũng đồng ý hỗ trợ Ngân hàng bán tài sản thế chấp, trả hết tiền cho Ngân hàng, phần còn lại trả cho gia đình ông để mua đất cất nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Mộng N, ông Đặng Ngọc Á

Bà N và ông Á thống nhất với lời trình bày của ông L, không bổ sung thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Võ Văn N1 có văn bản trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án

Ngày 30/11/2021, ông Ngô Minh P đến Văn phòng C yêu cầu công chứng Hợp đồng thế chấp thửa đất số 412, 414, tờ bản đồ 41, tọa lạc tại xã T, huyện Đ, tỉnh Long An cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H chi nhánh L1 (gửi kèm bản photo hồ sơ lưu trữ)

Khi đến công chứng ông bà đã xuất trình đầy đủ giấy tờ cần thiết (bản chính), ông bà đã nghe công chứng viên giải thích rõ về nội dung trong Hợp đồng và đã đồng ý ký tên, điền chỉ vào Hợp đồng trước mặt Công chứng viên, riêng Ngân hàng đã ký trước vào Hợp đồng, chữ ký đúng với chữ ký đã đăng ký mẫu tại Văn phòng C, tỉnh Long An. Vì vậy, Hợp đồng nói trên đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Văn phòng công chứng đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc trên theo đúng qui định pháp luật và xin được vắng mặt trong các phiên tòa hòa giải, xét xử, giải quyết vụ kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu T1 xin vắng mặt, không có ý kiến trình bày

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi vụ án được thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ngân hàng H1 khởi kiện ông P, bà T phải có trách nhiệm thanh toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”, ông P, bà T có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Long An, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về yêu cầu trả tiền gốc:

Xét Hợp đồng tín dụng số 46763/21MN/HĐTD, giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 46763/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 03/12/2021 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/12/2021 giữa Ngân hàng H1 với ông P, bà T: Về bản chất, đây là hợp đồng vay tài sản, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định của Điều 463 Bộ luật dân sự và Điều 91,95 Luật tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch. Ông P, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P, bà T phải thanh toán số nợ gốc là 1.325.410.489 đồng (trong đó, tiền gốc của hợp đồng tín dụng là 1.200.000.000 đồng; tiền gốc của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 125.410.489 đồng) là có cơ sở, được HĐXX chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu trả tiền lãi, phí:

Lãi suất vay, phí các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Ông P, bà T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả lãi, phí theo cam kết nên Ngân hàng yêu cầu ông P, bà T phải trả tiền lãi tính đến ngày 31/8/2023 của hợp đồng tín dụng là 125.360.045 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 121.282.192 đồng; tiền lãi quá hạn là 4.077.853 đồng) và lãi phí của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là (trong đó tiền lãi là 31.702.332 đồng; tiền phí là 58.099.760 đồng) là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

Như vậy, ông P, bà T phải liên đới trả cho Ngân hàng H1 tổng số tiền của hợp đồng tín dụng là 1.325.360.045 đồng và số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 183.510.249 đồng.

[3.3] Về yêu cầu tiếp tục trả lãi, phí quá hạn sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016, yêu cầu của nguyên đơn áp dụng tính lãi,

phí quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng sau ngày xét xử sơ thẩm là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3.4] Về biện pháp bảo đảm

Để đảm bảo cho khoản vay, ông P, bà T đã thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 412, 414; cùng tờ bản đồ số 41, tại xã T, huyện Đ. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông P, bà T và Ngân hàng được lập thành văn bản, có đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật. Do đó, trong trường hợp không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 46763/21MN/HĐTD, giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 46763/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 03/12/2021 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/12/2021, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là phù hợp nên được chấp nhận.

[3.5] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà Lê Văn L, Lê Hữu T1, Đặng Ngọc A, Lê Mộng N đang trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất 412, 414; cùng tờ bản đồ số 41 đã được Tòa án giải thích và ấn định thời gian yêu cầu độc lập trong vụ án nhưng không yêu cầu. Sau này giữa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị đơn có phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện thành vụ án khác.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Ông P, bà T phải chịu. Ngân hàng đã nộp và chi xong. Ông P, bà T có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng H1 số tiền này.

[5] Về án phí: Ông P, bà T phải chịu án phí là 57.266.000 đồng trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466; Điều 288 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Á lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” đối với ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Thị Bảo T.

1.1. Buộc ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Thị Bảo T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền 1.325.360.045 đồng (*một tỷ, ba trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi ngàn, không trăm bốn mươi lăm đồng*);

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Thị Bảo T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo thỏa thuận quy định tại Hợp đồng tín dụng số 46763/21MN/HĐTD, giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 46763/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 03/12/2021.

1.2. Buộc ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Thị Bảo T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền là 183.510.249 đồng (*một trăm tám mươi ba triệu, năm trăm mười ngàn, hai trăm bốn mươi chín đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Thị Bảo T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí theo thỏa thuận quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/12/2021.

1.3. Trường hợp ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Thị Bảo T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, được yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 154714, số vào sổ cấp GCN: CS 01865 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 15/11/2017; cập nhật thay đổi sang tên cho ông Ngô Minh P ngày 29/12/2020 tại thửa đất số 412, 414; tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31101/21MN/HĐBĐ ngày 30/11/2021, công chứng tại Văn phòng C ngày 30/11/2021 để đảm bảo thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Thị Bảo T phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Ông Ngô Minh P, bà Nguyễn Thị Bảo T phải chịu 57.266.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H 27.305.217 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 00038741 ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tho